

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 3565/TB-TA ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Đ, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh HY, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 583, Ub, Yeo, Poi, Gye, Hàn Quốc; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị Nguyễn Thị A và anh HY kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, Giấy chứng nhận kết hôn do Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam cấp ngày 23 tháng 10 năm 2017 và đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 02 năm 2018. Sau khi

kết hôn, chị A nhận thấy giữa hai người không thể hòa hợp, không có tình cảm vì chị A kết hôn với anh HY với mục đích phụ giúp kinh tế cho gia đình. Do vậy, chị Nguyễn Thị A không sang Hàn Quốc để đoàn tụ với anh HY. Nay chị Nguyễn Thị A nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không có nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh HY. Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh HY không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh HY:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh HY trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 14/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 3097/BTP-PLQT ngày 30/11/2020 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do địa chỉ của người nhận không rõ ràng. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị A và anh HY kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, Giấy chứng nhận kết hôn do Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam cấp ngày 23 tháng 10 năm 2017 và đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 02 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh HY. Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh HY không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh HY hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn anh HY vắng mặt. Ngay sau khi nhận được văn bản về việc Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được uỷ thác tư pháp cho anh HY với lý do địa chỉ của người nhận không rõ ràng, ngày 28 tháng 12 năm 2020, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và của Ban biên tập Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh HY biết về thời gian mở phiên họp hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử. Đã hết thời hạn một tháng kể từ ngày đăng thông báo nhưng anh HY vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh HY.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh HY kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, Giấy chứng nhận kết hôn do Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam cấp ngày 23 tháng 10 năm 2017. Và đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 02 năm 2018. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A nhận thấy giữa hai người không thể hòa hợp, không có tình cảm vì chị A kết hôn với anh HY với mục đích phụ giúp kinh tế cho gia đình. Do vậy, chị Nguyễn Thị A không sang Hàn Quốc để đoàn tụ với anh HY. Nay chị Nguyễn Thị A nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không có và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh HY. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về con chung: Chị A khai chị và anh HY không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh HY không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Phương.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh HY.
2. Về con chung: Chị A khai chị và anh HY không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh HY không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/3936 ngày 19 tháng 02 năm 2020. Chị Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/3937 ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tổng đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Tòa án thực hiện việc tổng đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí ủy thác do đương sự nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh HY (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

